PHỤ LỤC 05
KIỂM KÊ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 2101 /QĐ-UBND ngày 25 / 9 /2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hồ Hua Khao	2474125	427799	Quốc Khánh	Lạng Sơn	Suối Bản Sáng	Hồ chứa	Hồ Hua Khao	Tưới	0,75	0,194			
2	Hồ Cao Lan	2473665	421188	Quốc Khánh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Cao Lan	Tưới	1,129	0,138			
3	Hồ Kỳ Nà	2472100	425954	Quốc Khánh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Suối Ky Nà	Tưới	0,603	0,08			
4	Hồ Kéo Quân	2469382	422626	Quốc Khánh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Khuổi Ngần	Tưới	0,513	0,12			
5	Hồ Khuôn Tùng	2471903	423010	Quốc Khánh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuôn Tùng	Tưới	0,509	0,14			
6	Hồ-đập Nà Chào	2463216	422013	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Suối Cốc Phát	Tưới	2,335	0,164			
7	Công trình cấp nước sinh hoạt TT. Thất Khê	2463347	418129	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Sông Bắc Khê	Sinh hoạt					921
8	Hồ Khuổi Nghìn	2464508	419338	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Nghìn	Tưới	0,184	0,07			
9	Hồ Khuổi Hin	2465773	417869	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Hin	Tưới	0,325	0,088			
10	Hồ Thâm Pùng	2463132	425297	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Thâm Pùng	Tưới	0,01	0,005			
11	Hồ Đuốc Bon	2463702	424638	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Đuốc Bon	Tưới	0,01	0,004			
12	Đập dâng Khuổi Sao	2465136	418483	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Khuổi Sao	Tưới		0,151			
13	Đập dâng Nặm Ăn	2462193	423151	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Nậm Ăn	Tưới		0,256			
14	Đập dâng Khuổi Mịt	2463303	417443	Tràng Định	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Sông Bắc Khê	Tưới		0,2			
15	Hồ Slam Kha	2461439	418062	Tràng Định	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Slam Kha	Tưới	0,33	0,026			
16	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Đề Thám	2460919	415942	Tràng Định	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Sông Bắc Khê	Sinh hoạt					250
17	Hồ-đập Thâm Luông	2460366	419227	Tràng Định	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ-đập Thâm Luông	Tưới	1,03	0,138			
18	Hồ Khuổi Mặn (Đập Bản A)	2457983	422070	Tràng Định	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Mặn (Đập Bản A)	Tưới	0,256	0,055			
19	Hồ Khuổi Luông	2461137	422900	Thất Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Luông	Tưới	0,175	0,07			
20	Hồ Cốc Lùng	2458689	422220	Tràng Định	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Cốc Lùng	Tưới	0,385	0,011			
21	Hồ Bản Nằm	2458582	423460	Kháng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bản Nằm	Tưới	0,33	0,035			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
				Chiến										
22	Hồ Nà Ái	2457398	426547	Kháng Chiến	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Ái	Tưới	0,03	0,018			
23	Hồ Khau Khuyu (Kéo Khảo)	2452067	433779	Quốc Việt	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khau Khuyu (Kéo Khảo)	Tưới	0,02	0,021			
24	Hồ Nà Pia	2448306	431873	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Pia	Tưới	0,266	0,035			
25	Hồ Lũng Vài	2448830	430376	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Lũng Vài	Tưới	0,06	0,025			
26	Hồ Nà Liệt	2445317	431937	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Liệt	Tưới	0,01	0,07			
27	Hồ Khun Diễm	2443374	436250	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khun Diễm	Tưới	0,03	0,018			
28	Hồ Bản Lếch 1	2444574	432908	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Khuổi Khẻ	Tưới	0,034	0,026			
29	Hồ Bản Lếch 2	2443773	433392	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Khuổi Luông	Tưới	0,045	0,035			
30	Hồ Nà Khách	2439670	436357	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Suối Nà Leng	Tưới	0,556	0,14			
31	Na Sầm	2440477	435778	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Bản Tích	Tưới		0,21			
32	HT Đập Thanh Long	2442749	441807	Thụy Hùng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Khuổi Sáng	Tưới		0,105			
33	Trạm bơm Tổng Quân	2438137	434280	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Hoàng Việt	Tưới		0,122			
34	Trạm bơm Khun Pinh	2437985	434815	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Hoàng Việt	Tưới		0,183			
35	Trạm bơm Nà Mạt	2437512	434986	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Hoàng Việt	Tưới		0,122			
36	Trạm bơm Còn Noọc	2436362	436175	Na Sầm	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Hoàng Việt	Tưới		0,122			
37	HT Đập Tân Thanh	2435446	440463	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Suối Khuổi Sôn	Tưới		0,109			
38	Hồ Khuôn Tát	2434312	437884	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuôn Tát	Tưới	0,086	0,04			
39	Trạm bơm HT Tân Mỹ	2432355	438606	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Hoàng Việt	Tưới		0,105			
40	Hồ Phai Cháu	2428597	436513	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Phai Cháu	Tưới	0,061	0,018			
41	Công ty CP Thương mại sản xuất Da Nguyên Hồng	2428762	440926	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Khuổi Luông	Công nghiệp			195		

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
42	Hồ-đập Nà Pàn	2426468	436148	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ-đập Nà Pàn	Tưới	0,624	0,09			
43	Hồ Kéo Páng	2425835	434809	Hoàng Văn Thụ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Kéo Páng	Tưới	0,331	0,053			
44	Hồ Bản Cáu	2445467	426629	Văn Lãng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bản Cáu	Tưới	0,01	0,061			
45	Hồ Pác Chào	2440205	420906	Hội Hoan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Pác Chào	Tưới	0,01	0,028			
46	Hồ Bản Kìa	2439741	420644	Hội Hoan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bản Kìa	Tưới	0,01	0,028			
47	HT Đập Hội Hoan	2436918	419087	Hội Hoan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Suối Tắt Đeng	Tưới		0,429			
48	Hồ Phai coong	2445072	417031	Hồng Phong	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Phai coong	Tưới	0,01	0,005			
49	Hồ Khuổi Kuông	2447686	413446	Hồng Phong	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Kuông	Tưới	0,12	0,016			
50	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Hồng Phong, huyện Bình Gia	2446893	411664	Hồng Phong	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Khuổi Khuy	Sinh hoạt					175
		2442073	410608					Suối Lọ Toong						
51	Công ty cấp nước sạch xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	2434381	394695	Thiện Thuật	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Mạy Dìn	Sinh hoạt					120
		2433784	395158					Suối Mạy Thang						
		2434452	395252					Suối Cốc Có						
52	Công trình cấp nước sinh hoạt, xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	2431421	400667	Bình Gia	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Khuổi Ký	Sinh hoạt					140
53	Hồ Rọ Hoạt	2432311	406780	Bình Gia	Lạng Sơn	Suối Thâm Sáng	Hồ chứa	Hồ Rọ Hoạt	Tưới	0,085	0,012			
54	Hồ Phai Danh	2430547	408606	Bình Gia	Lạng Sơn	Suối Thâm Sáng	Hồ chứa	Hồ Phai Danh	Tưới, cấp nước sinh hoạt	2,3	0,12			472,2
55	Hồ Rọ Nặm	2430170	410038	Bình Gia	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Nặm	Tưới	0,149	0,053			
56	Hồ Rọ Thó	2431732	411338	Bình Gia	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Thó	Tưới	0,044	0,018			
57	Hồ Rọ Thín	2428961	411753	Bình Gia	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Thín	Tưới	0,125	0,032			
58	Hồ Nà Khoang	2427883	411976	Bình Gia	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Khoang	Tưới	0,016	0,016			
59	Hồ Lùng Nọi	2431071	410602	Bình Gia	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Lùng Nọi	Tưới	0,03	0,011			
60	Hồ Khuổi lấm 2	2429493	409607	Bình Gia	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi lấm 2	Tưới	0,02	0,005			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
61	Hồ Khuổi Lúm	2429984	411481	Bình Gia	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Lúm	Tưới	0,01	0,014			
62	Hồ Nậm Lìn	2426762	414582	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nậm Lìn	Tưới	0,039	0,025			
63	Hồ Rọ Bây	2426148	414320	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Bây	Tưới	0,013	0,018			
64	Hồ Phai Duốc	2425638	414269	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Phai Duốc	Tưới	0,02	0,004			
65	Hồ Nà Tăng	2426447	414380	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Tăng	Tưới	0,01	0,004			
66	Hồ Phai Phầy	2426489	414666	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Phai Phầy	Tưới	0,01	0,018			
67	Hồ Phai Manh	2419937	415527	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Phai Manh	Tưới	0,015	0,005			
68	Hồ Phai Khóm	2420193	415761	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Phai Khóm	Tưới	0,01	0,011			
69	Hồ Pá Péc	2420305	415784	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Pá Péc	Tưới	0,01	0,007			
70	Nà Tấu	2426775	416122	Tân Văn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Suối Nà Ngừ	Tưới		0,105			
71	Phai Lóong + Phai Pheo	2421882	406560	Bắc Sơn	Lạng Sơn	Suối Tiên Hạ	Đập dâng	Suối Tiên Hạ	Tưới		0,242			
72	Phai Giáo	2422457	405711	Bắc Sơn	Lạng Sơn	Suối Tiên Hạ	Đập dâng	Suối Tiên Hạ	Tưới		0,172			
73	Hồ Rọ Nghè	2427170	402359	Bắc Sơn	Lạng Sơn	Suối Ra Lá	Hồ chứa	Hồ Rọ Nghè	Tưới	0,25	0,028			
74	Hồ Tá Phung	2424979	403637	Bắc Sơn	Lạng Sơn	Suối Ra Lá	Hồ chứa	Hồ Tá Phung	Tưới	0,07	0,026			
75	Phai Rầm	2425709	401184	Bắc Sơn	Lạng Sơn	Suối Pac Khuổi	Đập dâng	Suối Tân Rã	Tưới		0,131			
76	Hồ Khuôn Ngần	2423423	396681	Tân Tri	Lạng Sơn	Suối Mỏ Mắm	Hồ chứa	Hồ Khuôn Ngần	Tưới	0,042	0,044			
77	Hồ Pắc Mỏ	2422251	402099	Bắc Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Pắc Mỏ	Tưới	0,6	0,065			
78	Hồ Pò Rái	2423088	396220	Tân Tri	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Pò Rái	Tưới	0,138	0,053			
79	Hồ Khau Hường	2416064	388593	Vũ Lễ	Lạng Sơn	Suối Mỏ Mắm	Hồ chứa	Hồ Khau Hường	Tưới	0,213	0,086			
80	Đập dâng Phai Mường	2416817	384938	Tân Tri	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Khuổi Khinh	Tưới		0,18			
81	Hồ Thâm Chao	2418114	404543	Vũ Lăng	Lạng Sơn	Suối Dục Thúm	Hồ chứa	Hồ Thâm Chao	Tưới	0,03	0,018			
82	Hồ Vũ Lăng	2414273	401646	Vũ Lăng	Lạng Sơn	Suối Bản Ghế (Nà Cầu)	Hồ chứa	Hồ Vũ Lăng	Tưới	2	0,181			
83	Hồ chứa Phai Thuống	2411059	406426	Hưng Vũ	Lạng Sơn	Suối Pai Muông	Hồ chứa	Hồ Phai Thuống	Tưới	0,953	0,091			
84	Hồ Tam Hoa	2416178	406283	Hưng Vũ	Lạng Sơn	Suối Phai Lân	Hồ chứa	Hồ Tam Hoa	Tưới	1,615	0,184			
85	Hồ Rọ Rậy	2412470	407094	Hưng Vũ	Lạng Sơn	Suối Pai Muông	Hồ chứa	Hồ Rọ Rậy	Tưới	0,222	0,077			
86	Hồ Nặm Thin	2410660	406251	Hưng Vũ	Lạng Sơn	Suối Pai Muông	Hồ chứa	Hồ Nặm Thin	Tưới	0,301	0,105			
87	Phai Phùng	2411194	405589	Hưng Vũ	Lạng Sơn	Suối Pai Muông	Đập dâng	Suối Pai Muông	Tưới		0,123			
88	Phai Giáp	2409060	400267	Nhất Hòa	Lạng Sơn	Suối Nhất Hoà	Đập dâng	Suối Nhất Hoà	Tưới		0,131			
89	Phái Hóa	2409824	401947	Nhất Hòa	Lạng Sơn	Suối Nhất Hoà	Đập dâng	Suối Nhất Hoà	Tưới		0,131			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m^3)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m^3/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m^3/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m^3/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
90	Trạm bơm Toồng Choóc	2404042	414865	Tri Lễ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Bản Xó	Tưới		0,109			
91	Hồ Lũng Phúc	2409693	416396	Tri Lễ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Lũng Phúc	Tưới	0,01	0,011			
92	Trạm bơm Lũng Án	2406049	419095	Tri Lễ	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Sông Mô Pia	Tưới		0,122			
93	Hồ Rọ Tý	2416030	420009	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Tý	Tưới	0,401	0,105			
94	Trạm bơm Thanh Xuân	2418783	424466	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Sông Mô Pia	Tưới		1,224			
95	Trạm bơm Soong Cạn	2416207	421545	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Sông Mô Pia	Tưới		0,183			
96	Đập thủy điện Bản Quyền	2420301	427569	Văn Quan	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Sông Mô Pia	Phát Điện				1.100	
97	Hồ Tặng Bản	2414224	431258	Yên Phúc	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Tặng Bản	Tưới	0,172	0,042			
98	Hồ Suối Mơ	2410957	426016	Yên Phúc	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Suối Mơ	Tưới	0,105	0,038			
99	Hồ Khun Hổ	2412875	430064	Yên Phúc	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khun Hổ	Tưới	0,08	0,112			
100	Trạm bơm xóm Nà Lềnh	2421257	428137	Điềm He	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Sông Mô Pia	Sinh hoạt					6.588
101	Hồ Bó Kheo	2428729	425394	Điềm He	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bó Kheo	Tưới	0,03	0,014			
102	Trạm bơm Song Giang	2426136	432342	Điềm He	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Sông Mô Pia	Tưới		0,158			
103	Soong Giang	2426165	432073	Điềm He	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Sông Mô Pia	Tưới		0,158			
104	Hồ Rọ Tém	2413852	432089	Tân Đoàn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Tém	Tưới	0,130	0,028			
105	Hồ Bản Nằng	2414857	434333	Tân Đoàn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bản Nằng	Tưới	0,885	0,21			
106	Hồ Rọ Dooc	2409325	433276	Tân Đoàn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Dooc	Tưới	0,077	0,023			
107	Hồ Rọ Hin	2409938	433736	Tân Đoàn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Hin	Tưới	0,04	0,018			
108	Đập Văng Soong	2415689	441292	Khánh Khê	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Suối Nà Bản	Tưới		0,114			
109	Hồ chứa nước Lẩu Xá	2414225	449594	Phường Đông Kinh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ chứa nước Lẩu Xá	Tưới	0,416	0,023			
110	Hồ Bó Chuông	2415970	451473	Phường Đông Kinh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bó Chuông	Tưới	0,328	0,022			
111	Hồ Pò Luông	2416734	451368	Phường Đông Kinh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Pò Luông	Tưới	0,172	0,03			
112	Hồ Nà Cà	2414546	449771	Phường	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Cà	Tưới	0,01	0,003			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
				Đông Kinh										
113	Hồ Nà Cầu	2416037	447891	Phường Lương Văn Tri	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Cầu	Tưới	0,12	0,021			
114	Hồ Nà Tâm	2422724	447706	Phường Tam Thanh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Tâm	Tưới, cấp nước sinh hoạt	2,164	0,1			953
115	Hồ Thâm Sỉnh	2421913	448938	Phường Tam Thanh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Thâm Sỉnh	Tưới, cấp nước sinh hoạt	1,128	0,025			1.008
116	Hồ Bó Diêm	2420407	447216	Phường Tam Thanh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bó Diêm	Tưới	0,193	0,065			
117	Hồ Phai Chia	2422101	446562	Phường Tam Thanh	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Phai Chia	Tưới	0,101	0,018			
118	Hồ Bản Cưởm	2425415	448725	Cao Lộc	Lạng Sơn	Suối Pò Nhùng	Hồ chứa	Hồ Bản Cưởm	Tưới	0,224	0,13			
119	Hồ Khuổi Chủ	2429613	453874	Cao Lộc	Lạng Sơn	Suối Còn Phạc	Hồ chứa	Suối Còn Phạc	Tưới	0,383	0,35			
120	Hồ Trục Hồ	2423226	441399	Đồng Đăng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Suối Sỉnh Minh	Tưới	0,074	0,026			
121	Hồ Tành Chè	2425045	440287	Đồng Đăng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Tành Chè	Tưới	0,02	0,035			
122	Hồ Khun Toòng	2426198	440262	Đồng Đăng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khun Toòng	Tưới	0,013	0,039			
123	Hồ Trục Hồ	2422980	441529	Đồng Đăng	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Trục Hồ	Tưới	0,074	0,035			
124	Hồ Khẩu Cắm	2422234	453184	Công Sơn	Lạng Sơn	Suối Pò Nhùng	Hồ chứa	Khuổi Hiên	Tưới	0,090	0,053			
125	Hồ Nà Ca	2422258	455575	Công Sơn	Lạng Sơn	Suối Bản Nhọn	Hồ chứa	Hồ Nà Ca	Tưới	0,111	0,026			
126	Hồ Khuổi Sần	2421079	459303	Công Sơn	Lạng Sơn	Suối Pò Nhùng	Hồ chứa	Suối Khuổi Sần	Tưới	0,123	0,044			
127	Hồ Sam Kha	2421322	460423	Công Sơn	Lạng Sơn	Suối Pò Nhùng	Hồ chứa	Hồ Sam Kha	Tưới	0,013	0,018			
128	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	2419306	469976	Ba Sơn	Lạng Sơn	Sông Co Khuông (Bản Lề)	Trạm bơm	Suối Co Khuông	Sinh hoạt					130
129	Hồ Ba Sơn	2421513	476777	Ba Sơn	Lạng Sơn	Khuổi Thâu	Hồ chứa	Hồ Ba Sơn	Tưới	0,221	0,19			
130	Hồ Bản Vàng	2422166	467888	Ba Sơn	Lạng Sơn	Sông Co Khuông (Bản Lề)	Hồ chứa	Hồ Bản Vàng	Tưới	0,122	0,123			
131	Hồ Khuổi Ngần	2422089	477532	Ba Sơn	Lạng Sơn	Khuổi Thâu	Hồ chứa	Hồ Khuổi Ngần	Tưới	0,225	0,21			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
132	Hồ Co Tém	2423106	467444	Ba Sơn	Lạng Sơn	Suối Pò Nhùng	Hồ chứa	Hồ Co Tém	Tưới	0,01	0,021			
133	Hồ Phai Luông	2421044	450089	Phường Kỳ Lừa	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Phai Luông	Tưới	0,825	0,123			
134	Trạm bơm TBĐ Bốt Đổ	2415726	455639	Phường Kỳ Lừa	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Nà Pán	Tưới		0,123			
135	Trạm bơm TBĐ Nà Hán	2413858	455100	Phường Kỳ Lừa	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Bản Mới	Tưới		0,105			
136	Đập An Rinh	2413235	455273	Phường Kỳ Lừa	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Suối Bản Mới	Tưới		0,21			
137	Hồ Lệ Minh	2412387	455002	Phường Kỳ Lừa	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Lệ Minh	Tưới	0,425	0,026			
138	Hồ chứa Khau Piều	2410448	480841	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Sông Bản Thín	Tưới	0,21	0,033			
139	Hệ thống cấp nước thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình	2411943	470192	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Nà Mìu	Cấp nước cho sinh hoạt và cho kinh doanh dịch vụ			134,4		1.065,60
140	Hệ thống cấp nước khu vực cửa khẩu Chi Ma và người dân xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình	2412126	473241	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Long Đầu	Sinh hoạt					400
141	Nước sinh hoạt Đoàn kinh tế Quốc Phòng 338 - Quân khu 1	2413906	465405	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Khuổi Phát	Sinh hoạt					167
142	Hồ Thâm Seo	2411034	467720	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Thâm Seo	Tưới	0,302	0,035			
143	Hồ Bản Luồng	2409451	475731	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bản Luồng	Tưới	0,326	0,107			
144	Hồ Nà Tàu	2409449	472787	Mẫu Sơn	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Tàu	Tưới	0,02	0,044			
145	Hồ Nà Ne	2407268	474854	Khuất Xá	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Ne	Tưới	0,02	0,035			
146	Pò Loỏng	2404918	477558	Khuất Xá	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Suối Cầu Tâm	Tưới		0,263			
147	Hồ Nà Cáy	2398674	471610	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Cáy	Tưới, cấp nước sinh	5,5	0,118			6.470

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
									hoạt					
148	Hồ chứa nước Pò Khoang	2403028	465595	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ chứa nước Pò Khoang	Tưới	1,02	0,158			
149	Hồ Khuổi Giàn	2405730	470159	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Giàn	Tưới	0,195	0,044			
150	Trạm bơm Bản Bằng 1	2407265	472892	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Khuổi Khoai	Tưới		0,123			
151	Bản Bằng	2408468	472491	Na Dương	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Khuổi Khoai	Tưới		0,263			
152	Công trình cấp nước sinh hoạt, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	2414824	463311	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Trạm bơm	Suối Khuổi Tẳng	Sinh hoạt					150
153	Hồ Khuổi Quật	2407074	463833	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Quật	Tưới	0,58	0,063			
154	Hồ Nà Dày	2407561	466193	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Dày	Tưới	0,013	0,035			
155	Hồ Nà Diều	2405748	465672	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Diều	Tưới	0,08	0,046			
156	Hồ Pá Nát	2409442	467090	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Pá Nát	Tưới	0,1	0,018			
157	Hồ Nà Khuân	2410190	469530	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Khuân	Tưới	0,01	0,012			
158	Hồ Rọ Dâng	2410335	465549	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Dâng	Tưới	0,01	0,011			
159	Hồ Đắc Lắc	2407669	462527	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Đắc Lắc	Tưới	0,015	0,012			
160	Hồ Nà Dưởng	2408498	467806	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Dưởng	Tưới	0,01	0,002			
161	Khuôn Van	2405411	462577	Lộc Bình	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Đập dâng	Khuổi Thuốt (Khuổi Thụt)	Tưới		0,201			
162	Hồ Bản Chành	2396635	468129	Lợi Bác	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Bản Chành	Tưới	2,141	0,136			
163	Hồ Tà Keo	2401491	474652	Lợi Bác	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Khuổi Cút	Tưới	15,1	0,31			
164	Hồ Nà Piao	2405905	458060	Thống Nhất	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Piao	Tưới	0,02	0,011			
165	Hồ Nà Mò	2406616	457865	Thống Nhất	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Nà Mò	Tưới	0,01	0,014			
166	Hồ Rọ Nhay	2407798	459755	Thống Nhất	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Rọ Nhay	Tưới	0,01	0,018			
167	Thồng Lốc	2395520	463915	Xuân Dương	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Đập dâng	Suối Thông Lốc	Tưới		0,123			
168	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhân Lý, xã Bắc Thuỷ, huyện Chi Lăng	2403983	437703	Nhân Lý	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Trạm bơm	Suối Đáy	Sinh hoạt					160

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
169	Hồ Vài Cà	2405696	426279	Bằng Mạc	Lạng Sơn	Suối Cầu Bóng	Hồ chứa	Hồ Vài Cà	Tưới	1,008	0,21			
170	Hồ Phai Quang	2399851	426626	Vạn Linh	Lạng Sơn	Suối Tổng Lọt	Hồ chứa	Hồ Phai Quang	Tưới	0,76	0,07			
171	Hồ Nà Lặp	2393269	420154	Vạn Linh	Lạng Sơn	Suối Tai Sên	Hồ chứa	Hồ Nà Lặp	Tưới	0,07	0,028			
172	Hồ Bãi Hào	2391051	427276	Chi Lăng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Bãi Hào	Tưới	0,728	0,105			
173	Hồ Dọc Trang	2392517	429583	Chi Lăng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Dọc Trang	Tưới	0,34	0,035			
174	Hồ Khun Phang	2394728	431094	Chi Lăng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Khun Phang	Tưới	0,055	0,018			
175	Đập Hòa Mục	2392519	429603	Chi Lăng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Đập dâng	Suối Dọc Trang	Tưới		0,123			
176	Hồ Đèo Hoan	2390790	436239	Quan Sơn	Lạng Sơn	Suối Lịch	Hồ chứa	Suối Lịch	Tưới	0,09	0,018			
177	Hồ Nà Xà	2389673	426119	Chi Lăng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Nà Xà	Tưới	0,24	0,028			
178	Hồ Khun Cát	2388322	425595	Chi Lăng	Lạng Sơn	Suối Khâm Lân	Hồ chứa	Hồ Khun Cát	Tưới	0,08	0,026			
179	Hồ Khuôn Pinh	2377464	419328	Tân Thành	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Phụ lưu số 5	Tưới	1,217	0,057			
180	Hồ Kai Hiền	2375446	416691	Tân Thành	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Suối Nghé	Tưới	2,244	0,83			
181	Hồ Hố Đình	2378409	413048	Tân Thành	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Hố Đình	Tưới	0,02	0,025			
182	Hồ Suối Con	2377750	411586	Hữu Lũng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Suối Con	Tưới	0,752	0,114			
183	Trạm bơm Đồng Heo	2381149	405551	Hữu Lũng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Trạm bơm	Suối Đồng Dưới	Tưới		0,35			
184	Hồ Ao Sen	2378812	407567	Hữu Lũng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Ao Sen	Tưới	0,02	0,021			
185	Hồ Vườn Vang	2381947	407576	Hữu Lũng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Vườn Vang	Tưới	0,03	0,016			
186	Hồ Hố Dùng	2381567	407191	Hữu Lũng	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Hố Dùng	Tưới	0,03	0,008			
187	Hồ Cốc Lùng	2374997	410999	Tuấn Sơn	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Cốc Lùng	Tưới	0,87	0,175			
188	Trạm bơm Thác Bèn	2381553	404941	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Trạm bơm	Suối Đồng Dưới	Tưới		0,175			
189	Hồ Luồng Thiêng	2378309	399126	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Luồng Thiêng	Tưới	0,01	0,033			
190	Hồ Luồng Bó	2378277	398893	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Luồng Bó	Tưới	0,01	0,014			
191	Hồ Cốc Mít	2378534	399051	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Cốc Mít	Tưới	0,01	0,021			
192	Hồ Cầu Ván	2378675	398569	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Cầu Ván	Tưới	0,015	0,025			
193	Hồ Cốc Coọng	2380131	397228	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Cốc Coọng	Tưới	0,01	0,033			
194	Hồ Tổng Đoàn	2380900	394105	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Tổng Đoàn	Tưới	0,355	0,053			
195	Hồ Cống Ao	2380165	394379	Vân Nham	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Cống Ao	Tưới	0,02	0,028			
196	Hồ Chiến Thắng	2381335	388841	Thiện Tân	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Chiến Thắng	Tưới	1,753	0,125			
197	Hồ Lày Đung	2385539	393470	Thiện Tân	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Lày Đung	Tưới	0,01	0,035			
198	Hồ Mỏ Kỵ II	2386278	393668	Thiện Tân	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Mỏ Kỵ II	Tưới	0,02	0,016			

STT	Tên chủ hộ/công trình	Tọa độ (VN 2000 107°15', MC 3°)		Vị trí hành chính		Thuộc lưu vực sông	Loại công trình	Tên nguồn nước khai thác	Mục đích sử dụng nước	Dung tích hồ chứa, đập dâng (triệu m³)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích tưới (m³/giây)	Lưu lượng khai thác đối với mục đích kinh doanh dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (m³/ngày đêm)	Công suất phát điện (KW)	Mục đích khác (m³/ngày đêm)
		X	Y	Xã/Phường	Tỉnh									
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*		*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
199	Hồ Mỏ Kỵ I	2386051	393980	Thiện Tân	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Mỏ Kỵ I	Tưới	0,04	0,016			
200	Hồ Cây Sấu	2384588	389957	Thiện Tân	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Cây Sấu	Tưới	0,405	0,021			
201	Hồ Đắp Đề	2387450	389717	Thiện Tân	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Đắp Đề	Tưới	1,168	0,067			
202	Hồ Sam Kha	2393465	396488	Yên Bình	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Sam Kha	Tưới	0,408	0,061			
203	Trạm bơm Đồng Lươn	2389866	399207	Yên Bình	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Trạm bơm	Suối Đồng Trên	Tưới		0,245			
204	Đập Bầm + Đồng Thia	2392520	391847	Yên Bình	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Đập dâng	Suối Nậm Cam	Tưới		0,114			
205	HT Yên Sơn *(Bài Cắt, Đồng Chùa, Mỏ Loi, Đồng Chóc, Mỏ Mon, Cây Sung, Cây Mai, Chân Chim, Núi Đỏ)*	2388166	410835	Cai Kinh	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Đập dâng	Phụ lưu số 7	Tưới		0,123			
206	Hồ chứa nước bản Nùng	2398227	404018	Na Dương	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ chứa nước bản Nùng	Tưới	1,126	0,262			
207	Đập dâng Cầu Gạo	2393115	409154	Hữu Liên	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Đập dâng	Suối Đồng Dưới	Tưới		0,14			
208	Đập dâng Mương Cái	2402113	409179	Hữu Liên	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Đập dâng	Suối Đồng Trên	Tưới		0,105			
209	Hồ Khuổi Liều	2390889	493909	Kiên Mộc	Lạng Sơn	Bằng Giang - Kỳ Cùng	Hồ chứa	Hồ Khuổi Liều	Tưới	0,201	0,044			
210	Hồ Khuổi In	2384469	483406	Đình Lập	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Khuổi In	Tưới	0,6	0,044			
211	Hệ thống cấp nước xã Thái Bình, tỉnh Lạng Sơn	2376285	475622	Thái Bình	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Trạm bơm	Hồ Pác Làng	Cấp nước cho sinh hoạt và cho kinh doanh dịch vụ			30		970
212	Hồ Bản Lạn	2369374	479129	Thái Bình	Lạng Sơn	Hồng - Thái Bình	Hồ chứa	Hồ Bản Lạn	Tưới	0,59	0,053			
213	Hồ Khe Đín	2377269	487169	Châu Sơn	Lạng Sơn	Sông Phố Cũ	Hồ chứa	Hồ Khe Đín	Tưới	0,54	0,028			
214	Hồ Khe Khoang	2379639	485099	Châu Sơn	Lạng Sơn	Sông Phố Cũ	Hồ chứa	Hồ Khe Khoang	Tưới	0,1	0,023			